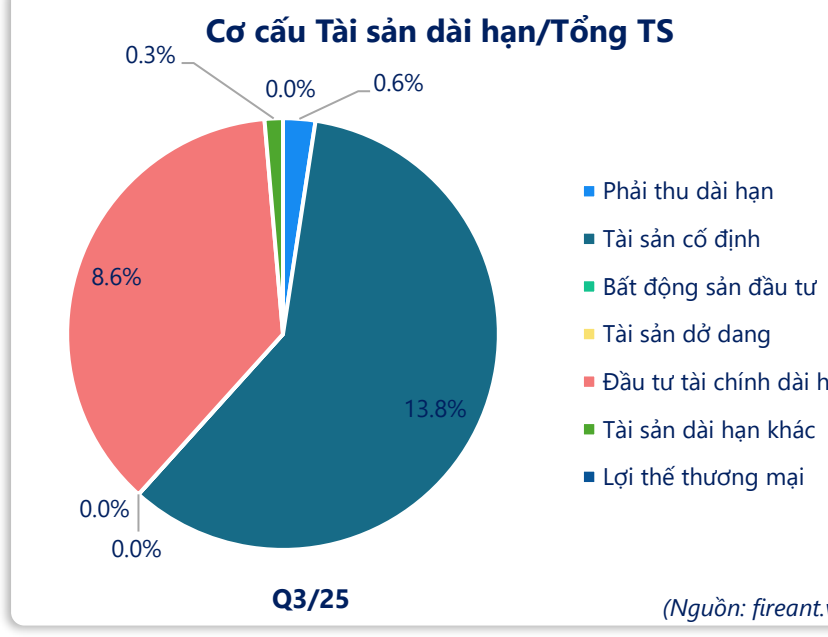
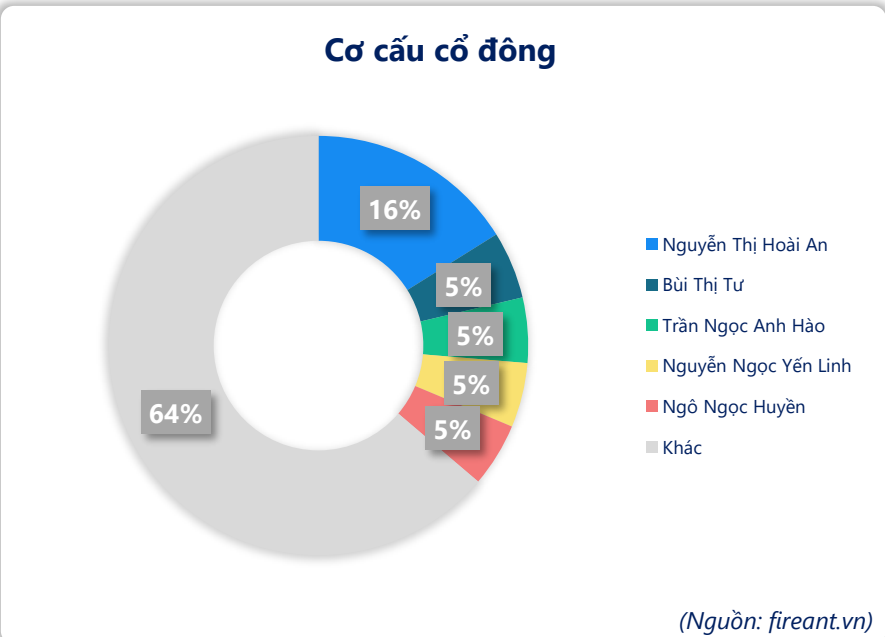
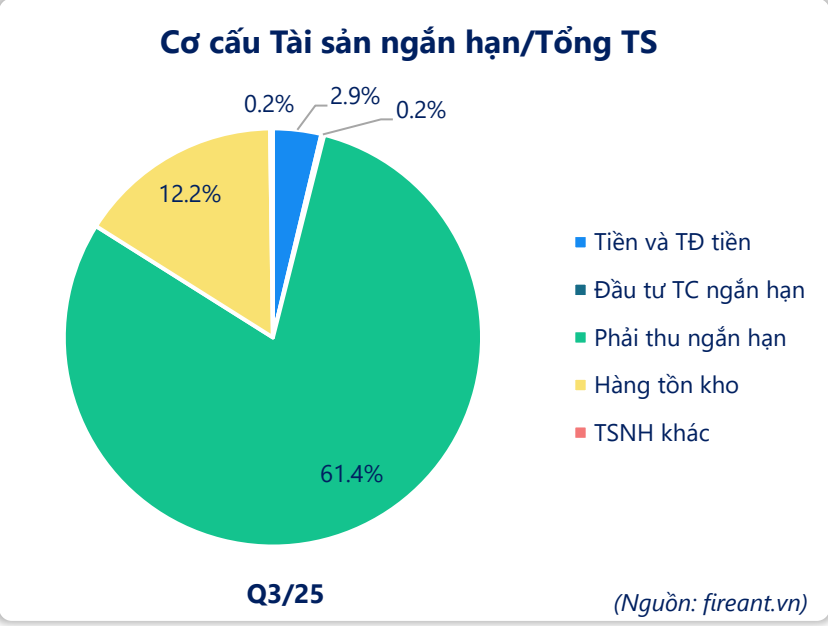
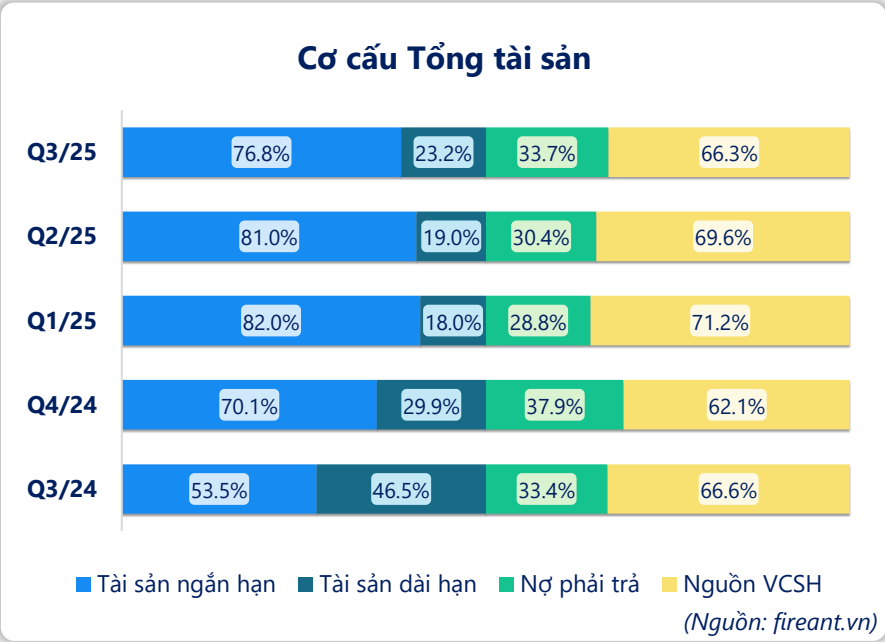
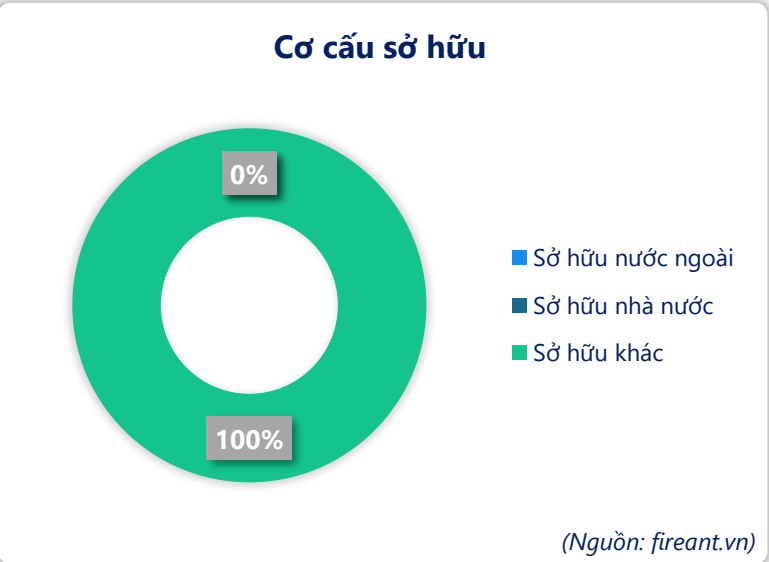
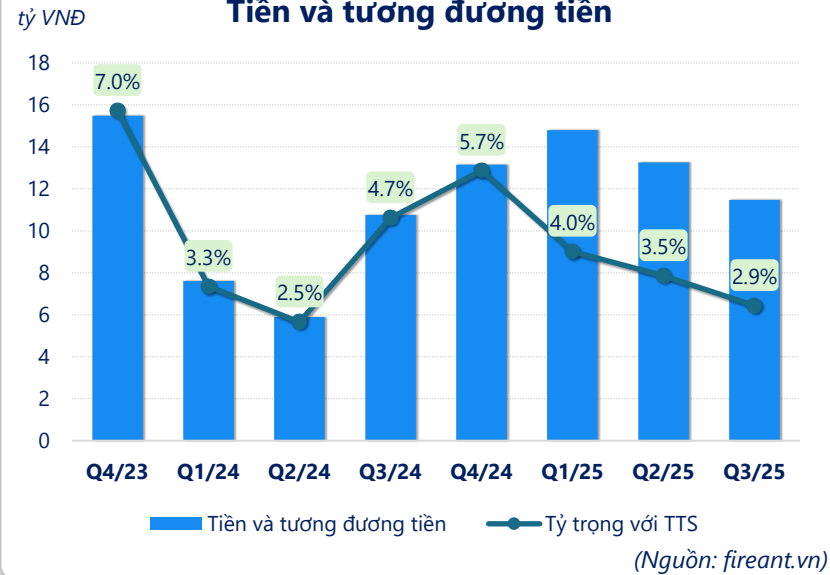


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
SL cổ phiếu LH		24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		406,335
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		182
P/E		-33.2
EPS		-229

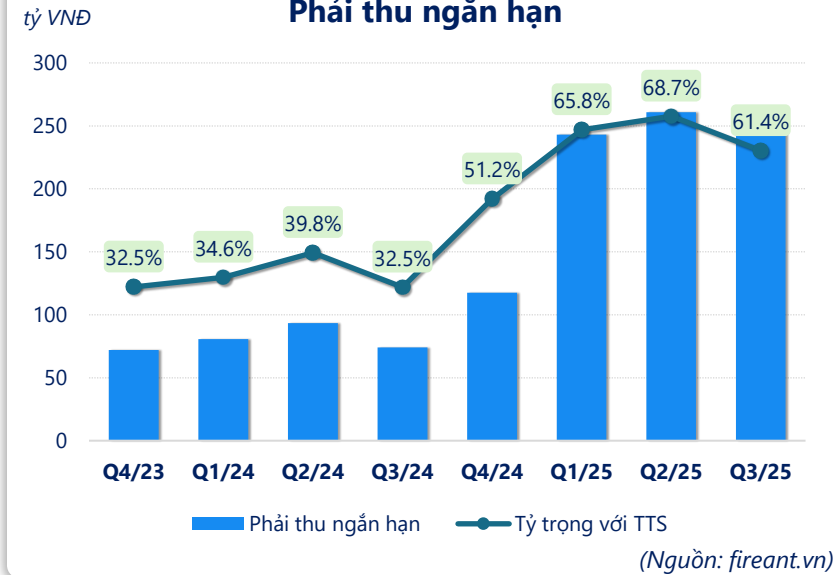
	YTD	1T	3T	6T
VTD	-3.8%	-19.1%	-17.4%	-32.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



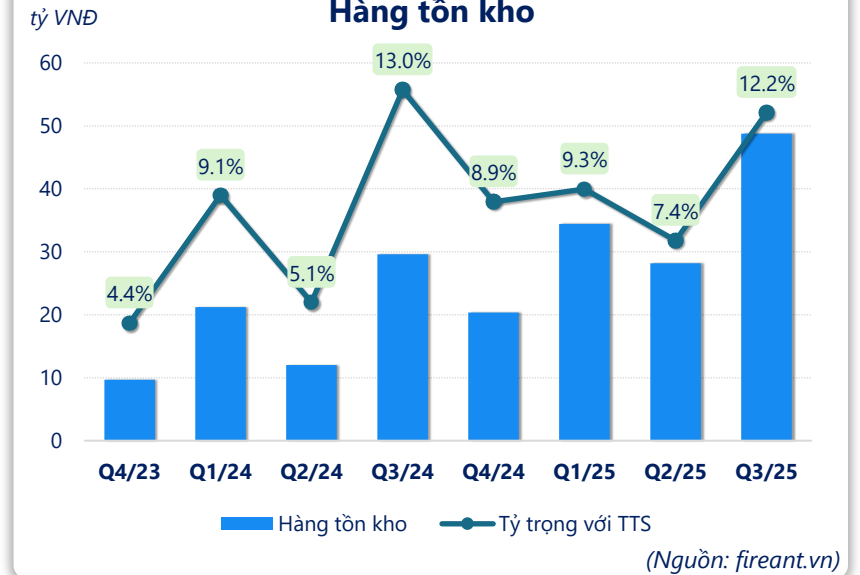
Tiền và tương đương tiền



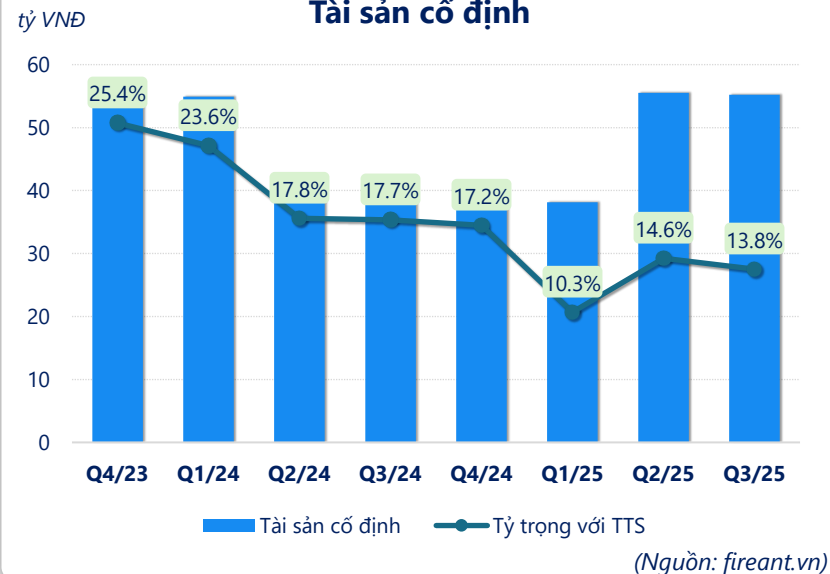
Phải thu ngắn hạn



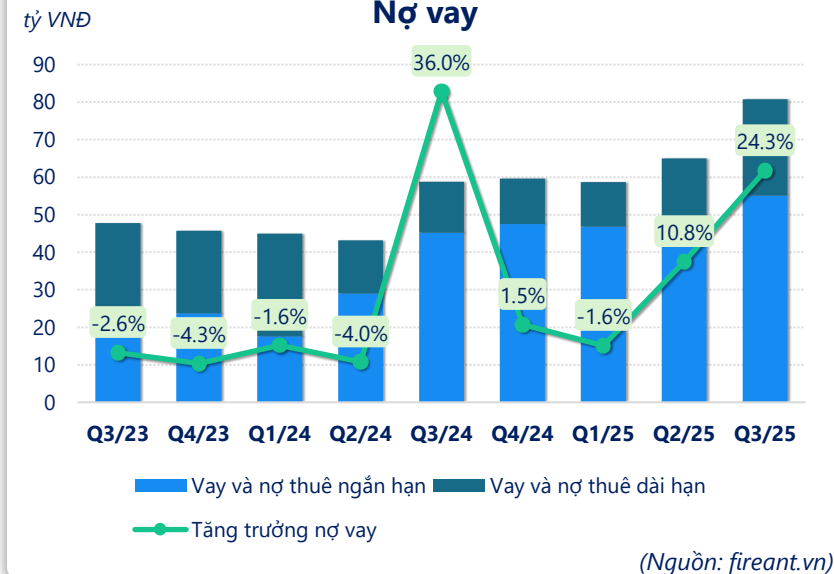
Hàng tồn kho



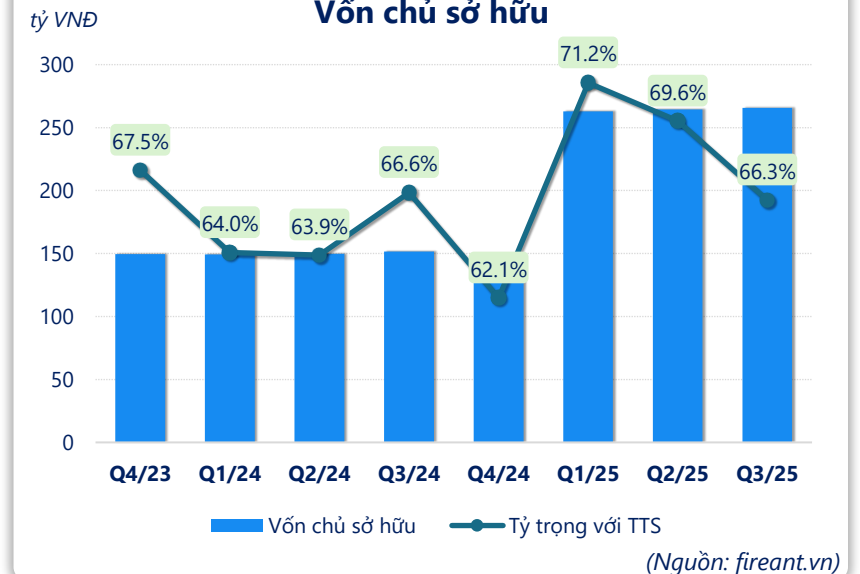
Tài sản cố định

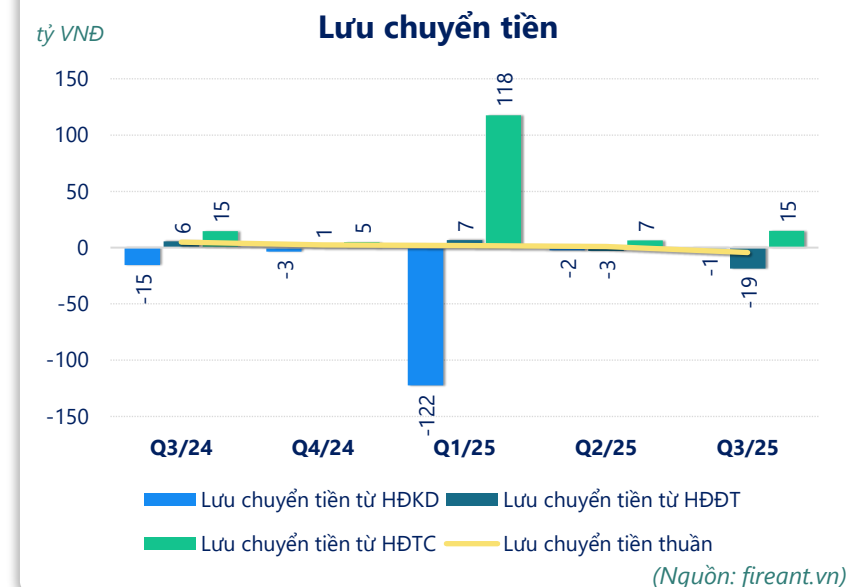
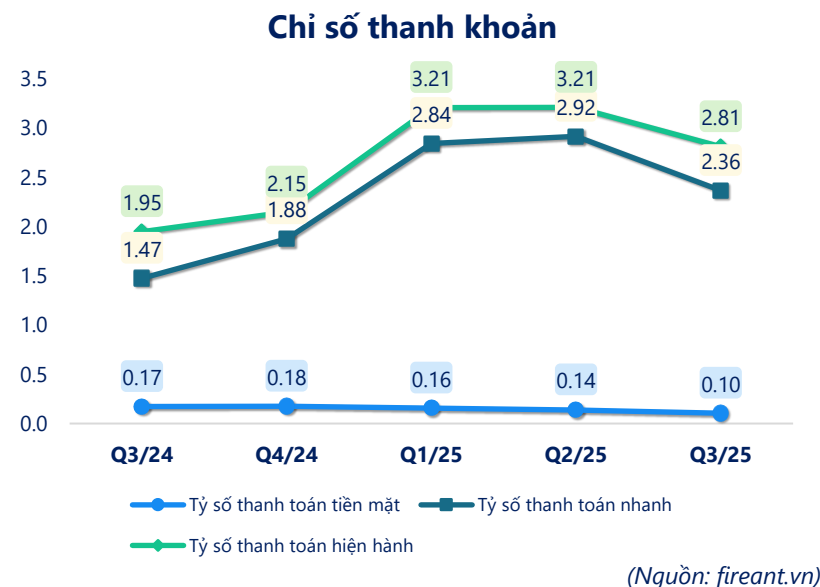
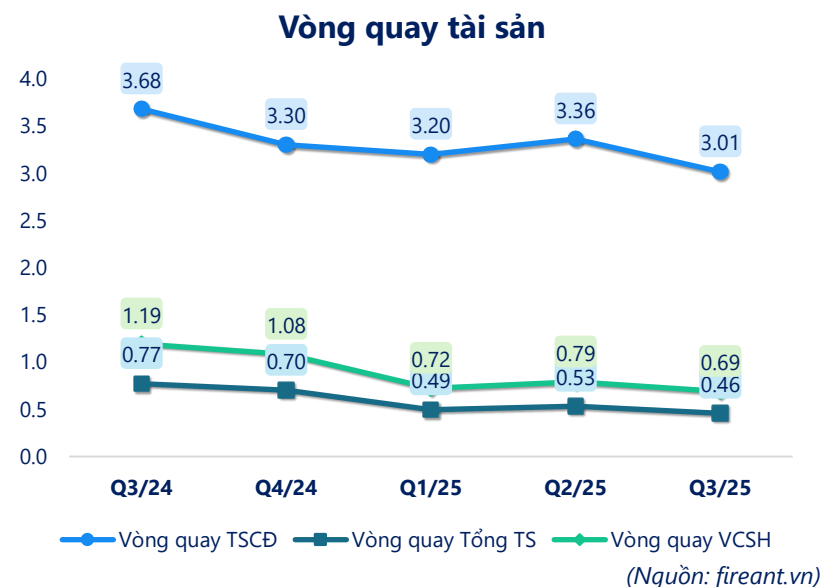
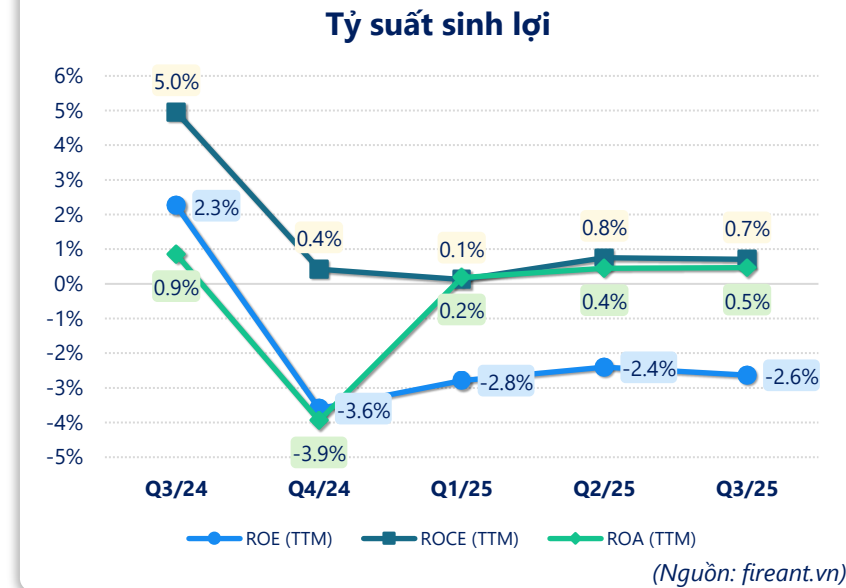
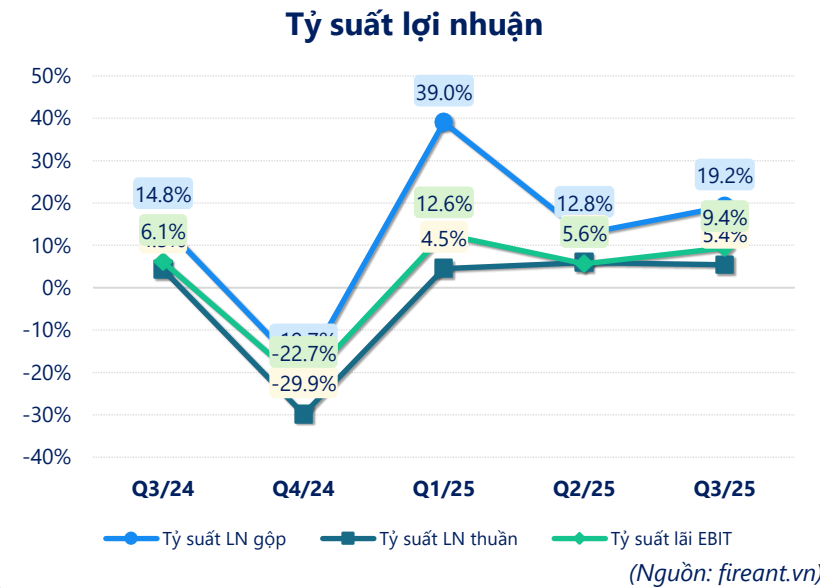
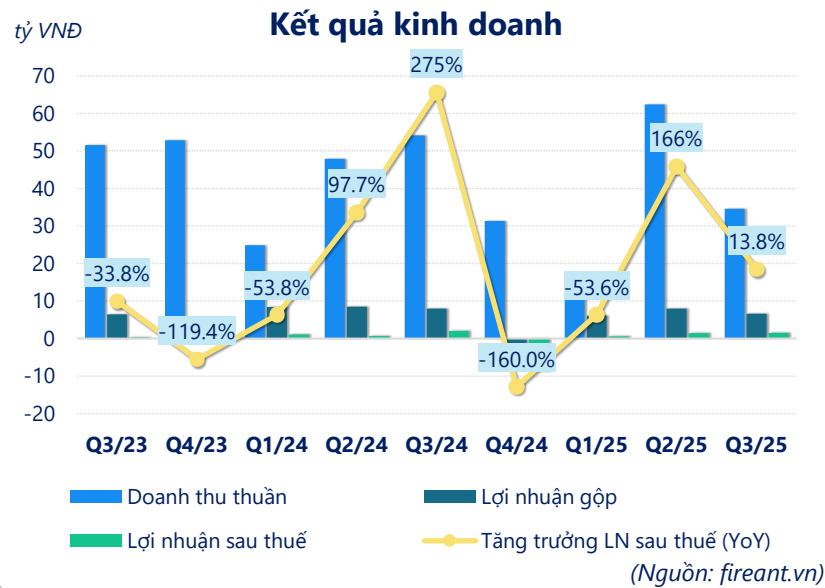


Nợ vay



Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	401	227	76.6%
Tài sản ngắn hạn	308	158	94.5%
Tiền và tương đương tiền	11.5	13.1	-12.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.70	7.70	-90.9%
Phải thu ngắn hạn	246	129	90.7%
Hàng tồn kho	48.8	6.27	677%
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	2.06	-66.8%
Tài sản dài hạn	93.2	68.9	35.3%
Phải thu dài hạn	2.25	14.0	-83.9%
Tài sản cố định	55.2	39.6	39.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	13.5	155%
Tài sản dài hạn khác	1.28	1.72	-25.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	135	84.5	60.1%
Nợ ngắn hạn	110	73.6	48.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.1	48.7	13.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.1	17.8	13.0%
Nợ dài hạn	25.7	10.9	135%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.7	10.9	135%
Nguồn vốn chủ sở hữu	266	143	86.3%
Vốn chủ sở hữu	266	143	86.3%
Vốn điều lệ	240	120	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	54.1	31.3	15.6	62.4	34.6
Giá vốn hàng bán	46.1	37.5	9.51	54.4	27.9
Lợi nhuận gộp	8.01	-6.18	6.08	7.96	6.64
Doanh thu HĐTC	0.07	3.70	0.14	0.25	0.08
Chi phí TC	1.13	2.46	1.29	1.39	1.44
Chi phí lãi vay	0.99	2.59	1.29	1.39	1.40
LN trong công ty LKLD	-0.07	0	0	0.00	0.00
Chi phí bán hàng	1.06	0.99	1.36	0.88	1.16
Chi phí QLDN	3.50	3.44	2.87	2.24	2.25
LN thuần từ HĐKD	2.32	-9.35	0.70	3.70	1.88
Lợi nhuận khác	0.00	-0.34	-0.02	-1.58	-0.04
LN trước thuế	2.32	-9.69	0.68	2.12	1.85
Lợi nhuận sau thuế	1.99	-8.89	0.55	1.38	1.47
LNST của CĐ cty mẹ	1.99	-8.89	0.55	1.38	1.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.4	-3.49	-122	-2.45	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.55	1.00	6.66	-3.06	-18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.8	4.89	118	6.52	14.9
Tiền đầu kỳ	5.89	10.7	13.1	14.8	15.8
Lưu chuyển tiền thuần	4.86	2.40	1.73	1.01	-4.34
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.7	13.2	14.8	15.8	11.5

(Nguồn: fireant.vn)